1. Tài sản của chủ doanh nghiệp cũng là tài sản của doanh nghiệp.
   1. Công ty nhà nước.
   2. Công ty cổ phần.
   3. Công ty tư nhân.
   4. Công ty hợp danh.
2. Doanh nghiệp có trách nhiệm pháp lý hỗn hợp.
   1. Công ty hợp danh.
   2. Công ty trách TNHH.
   3. Công ty tư nhân.
   4. Công ty cổ phần.
3. Mục tiêu nào dưới đây không được coi là mục tiêu kinh tế của doanh nghiệp
   1. Tăng lợi nhuận 8% so với năm trước
   2. Tăng thị phần 5%
   3. Tạo công ăn việc làm cho 200% lao động mới
   4. Tăng giá trị cổ phiếu
4. Dạng kiểm tra nào dưới đây không phù hợp để áp dụng trong quản trị doanh nghiệp?
   1. Kiểm tra về tài chính
   2. Kiểm tra phương pháp và kiểm tra kết quả
   3. Kiểm tra tính an toàn của môi trường
   4. Kiểm tra phí tài chính
5. Đâu là đặc điểm của Cơ câu Tổ chức Quản lý theo kiểu trực tuyến
   1. Người quản lý ở mỗi cấp phải có hiểu biết toàn diện
   2. Người quản lý ở mỗi cấp có chuyên môn sâu
   3. Người quản lý ở mỗi cấp phải có sự liên hệ qua lại tốt
   4. Người quản lý ở mỗi cấp phải có kỹ năng nhân sự tốt
6. Đâu là đặc điểm của Cơ cấu tổ chức Quản lý theo chức năng?
   1. Nhận mệnh lệnh trực tiếp từ người lãnh đạo cao nhất
   2. Nhận mệnh lênh từ các phòng ban tổ chức khác nhau
   3. Nhận thông tin theo chiều dọc
   4. Nhận thông tin đa chiều
7. Bước thực hiện nào sau đây không nằm trong lập kế hoạch chiến lược
   1. Phân tích đe dọa, cơ hội, điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp
   2. Lập kế hoạch cụ thế của bộ phận sản xuất
   3. Lượng hóa các kế hoạch bằng kế hoạch tài chính
   4. Xác định mục tiêu sứ mệnh của tổ chức
8. Chuyển sản phẩm theo từng loạt sản xuất là đặc điểm của cách tổ chức sản xuất
   1. Tổ chức sản xuất theo dòng song song
   2. Tổ chức sản xuất theo dòng nối tiếp
   3. Tổ chức sản xuất theo dong hỗn hợp
   4. Tổ chức sản xuất theo dòng sản phẩm
9. Chi phí một đơn vị sản phẩm cao là đặc điểm của loại hình sản xuất:
   1. Sản xuất đơn chiếc và loại nhỏ
   2. Sản xuất loạt lớn và hàng khối
   3. Sản xuất gián đoạn
   4. Sản xuất loạt vừa
10. Quá trình lọc dầu là loại hình
    1. Sản xuất liên tục theo yêu cầu
    2. Sản xuất liên tục để dự trữ
    3. Sản xuất gián đoạn theo yêu cầu
    4. Sản xuất gián đoạn để dự trữ
11. Trong quản lý dự trữ, ………. có số lượng cố định và chu kỳ thay đổi, …….. có số lượng thay đổi và chu kỳ cố định
    1. Hệ thống tái tạo định kỳ / hệ thống điểm đặt hàng
    2. Hệ thống tái tạo trong kỳ / hệ thống điểm đặt hàng
    3. Hệ thống tái tọa điểm đặt hàng / hệ thống tái tạo kỳ
    4. Hệ thống điểm đặt hàng / hệ thống tái tạo định kỳ
12. Phân xưởng A của công ty B sản xuất khuy áo từ vỏ sò biển. Sau khi dập vỏ sò để làm khuy, còn một phần vỏ sò khá lớn được mài để làm đồ trang trí khác như cặp, cài áo v.v. trong ví dụ trên đây, khái niệm nào mô tả đúng nhất bộ phận mài vỏ sò làm các đồ trang trí khác?
    1. Bộ phận phục vụ có tính chất công nghiệp
    2. Bô phận sản xuất phụ trợ
    3. Bộ phận sản xuất chính
    4. Bộ phận sản xuất phụ
13. Số lượng một loạt đưa vào dây chuyền sản xuất sản phẩm ở một xưởng bánh ngọt là 50kg bánh. Quá trình trải qua 4 nguyên công. Thời gian định mức để san xuất một gói bánh (1 gói bánh có tương ứng ở các nguyên công như sau t1 = 0.002 giờ, t2 = 0,02 giờ, t3 = 0.04 giờ. Biết số chỗ làm việc ở các nguyên công tương ứng là c1 = 1, c2 = 2, c3 = 2, c4 = 1. Thời gian sản xuất sản phẩm trên khi tổ chức sản xuất theo dòng nối tiếp là:
    1. 0,8 giờ
    2. 15 giờ
    3. 12 giờ
    4. 3 giờ
14. Công việc thứ hai trong qui trình tuyển dụng lao động:
    1. Xây dựng tiêu chuẩn để tuyển dụng lao động
    2. Không có đáp án đùng
    3. Thăm dò nguồn lao động
    4. Phân tích vị trí cần tuyển dụng lao động
15. Hệ thống tiền lương phải thỏa mãn điều kiện nào sau đây:
    1. Đáp ứng các yêu cầu của luật pháp
    2. thu hút và duy trì được nhân viên giỏi, khuyến khích và động viên nhân yêu cầu của pháp luật
    3. thu hút và duy trì được nhân viên giỏi
    4. khuyến khích, động viên nhân viên
16. Nội dung của giai đoạn chuẩn bị và tiếp nhận nhân lực gồm
    1. Tổ chức phục vụ chỗ làm việc
    2. Phân công và hợp tác lao động
    3. Tuyển dụng nhân viên
    4. Đào tạo và đào tạo lại
17. “Đảm bảo chất lượng sản phẩm” là ý nghĩa và nhiệm vụ nào của công tác tổ chức và phục vụ chỗ làm việc:
    1. ý nghĩa về kinh tế
    2. ý nghĩa về xã hội
    3. ý nghĩa về kỹ thuật
    4. ý nghĩa về tâm lý
18. Thời gian trong mức lao động không bao gồm thành phân nào sau đây:
    1. Thời gian tác nghiệp
    2. Thời gian nghỉ lễ, tế theo quy định
    3. Thời gian chuẩn kết
    4. Thời gian phục vụ nơi làm việc
19. Trong cách phân loại dựa theo quy mô sản xuất, chi phí biến đổi là các chi phí mà tổng giá trị của nó thay đổi khi sản lượng sản xuất tăng
    1. Sai vì đây là đặc điểm của chi phí cố định
    2. Sai vì đây là đặc điểm của chi phí trực tiếp
    3. Không có đáp án đúng
    4. Đúng
20. Giá bán một sản phẩm phụ thuộc vào quan hệ cung-cầu của sản phẩm đó trên thị trường
    1. Không có đáp án nào đúng
    2. Sai vì chỉ phụ thuộc vào giá thành sản phẩm
    3. Sai vì phụ thuộc vào sản lượng bán ra
    4. Đúng
21. Một người đi vay 10 triệu đồng với lãi xuất đơn 5% / 1 tháng. Sau 6 tháng, tổng số tiên anh ta sẽ phải trả là:
    1. 3.000.000. đồng
    2. 13.000.000 đồng
    3. 6.000.000 đồng
    4. 500.000 đồng
22. Giá trị hiện tại của một khoản tiền khi ghép lãi đơn với số kỳ ghép lãi n, lãi xuất I % là:
    1. P0=Fn/(1+i.n)
    2. P0=Fn.(1+i)/n
    3. P0=Fn/(1+i).n
    4. P0=Fn.(1+i.n)
23. Phân tích và lập dự án là nghiêp cứu một cách toàn diện tính khả của dự án, bao gồm hai bước: Nghiên cứu ……….. và nghiên cứu
    1. Nghiên cứu tiền khả thi/ nghiên cứu phân tích
    2. Nghiên cứu tiền khả thi/ nghiên cứu khả thi
24. Nội dung của giai đoạn tổ chức và sử dụng có hiệu quả nhân lực:
    1. Dự kiến nhân lực
    2. Đào tạo và đào tạo lại
    3. Phân công và hợp tác lao động
    4. Tuyển dụng
25. Bà Nga mua một xe ô tô du lịch 12 chỗ, chức năng của xe là chở khách, đây là:
26. Kết cấu tổ chức tránh được tình trạng người thừa hành phải thi hành nhiều mệnh lệnh khác nhau khi giải quyết cùng một công việc
    1. Trực tuyến
    2. Trực tuyến – chức năng
    3. Chức năng
    4. a và b
27. Phân bố khấu hao giúp doanh nghiệp:
    1. Thu hồi được chi phí đầu tư vào tài sản cố định
    2. Giảm được chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận
    3. Giảm thuế thu nhập nộp cho nhà nước
    4. A và c
28. Sử dụng vốn của chủ sở hữu doanh nghiệp có những lợi thế nào sau đây:
    1. Không phải hoàn trả những khoản tiền đã huy động
    2. Không phải thế chấp tài sản
    3. Cả a và b
    4. Không có đáp án nào đúng
29. Một người đầu tư 100 triệu đồng với lãi suất 8,4 % / năm. Ssau 15 năm người đó có thể nhận được bao nhiêu nếu tính lãi 3 tháng/ năm:
    1. 347.97 triệu đồng
    2. 335.30 triệu đồng
    3. 29.82 triệu đồng
    4. 346.49 triệu đồng
30. Tìm lãi suất thực biết lãi suất danh nghĩa là 7% / năm và tính lãi 3 tháng / năm
    1. 7.19%
    2. 6.75%
    3. 6.19%
    4. 8.69%
31. Duyệt dự án thường được thực hiện với sự tham gia của các cơ quan
    1. Cơ quan nhà nước
    2. Các tổ chức tài chính
    3. Các tổ chức khác
    4. Cả ba phương án đúng
32. Một đồng trong hiện tại có giá trị lớn hơn một đồng trong tương lai vì :
    1. Tiền có khả năng sinh lời
    2. Dầu tư có hiệu quả
    3. Do nền kinh tế lạm phát
    4. Phương án a,b,c
33. Doanh nghiệp không được phép phát hành cổ phiếu
    1. Công ty cổ phần nhà nước
    2. Công ty TNHH
    3. Công ty cổ phần
    4. A,b,c
34. Quyền nào sau đây của người có cổ phiếu có khả năng được thực hiện
    1. Dự Đại hội cổ đông
    2. Nhận lợi tức cổ phiếu
    3. Tham gia vào ban quản trị
    4. Cả a,b,c
35. Để trở thành chủ nợ người ta
    1. Mua cổ phiếu
    2. Mua trái phiếu
    3. Tham gia lao động trong doanh nghiệp
    4. Mua cổ phiếu, trái phiếu
36. Khi hoạch toán chi phí, chi phí biến đổi có thể bao gồm nhưng chi phí nào sau đây
    1. Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí chung, và chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp
    2. Chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và chi phí bán hàng
    3. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí khấu hao tài sản cố định
    4. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và chi phí bán hàng
37. Ông A cắt tóc tại một tiệm gội đầu, sản phẩm của ông ta có được
    1. Sản phẩm vật chất kết hợp với chi phí vật chất
    2. Sản phẩm thuần vật chất
    3. Sản phẩm phi vật chất
    4. Là sản phẩm hữu hình
38. Khi người lao động bị tai nạn lao động phải nằm điều trị thì họ vẫn được hưởng 100% lương và chi phí khám chữa bệnh? (Đ/S)
    1. Đúng
    2. Sai chỉ được hưởng 75%
39. Chi phí do kiểm tra lại sản phẩm sau khi sửa chữa là:
    1. Chi phí sai hỏng bên ngoài
    2. Chi phí sai hỏng bên trong
    3. Chi phí thẩm định
    4. Chi phí chất lượng gián tiếp
40. TCVN là cấp tiêu chuẩn cao nhất hiện tại có tại Việt Nam bao gồm khoảng
    1. 10.000 TCVN
    2. 8.000 TCVN
    3. 6.000 TCVN
    4. 9.000 TCVN
41. Khấu hao tài sản cố định bao gồm nhưng công việc nào sau đây
    1. Xác định nguyên giá TSCĐ và chi phí khấu hao
    2. Xác định nguyên giá TSCĐ và thời gian dự kiến sử dụng của tài sản
    3. Xác định nguyên giá TSCĐ thời gian sử dụng của tài sản và xác định chi phí khấu hao hàng năm
    4. Xác định chi phí khấu hao hàng năm
42. Chủng loại sản phẩm đa dạng là đặc điểm của loại hình sản xuất
    1. Sản xuất đơn chiếc và loạt nhỏ
    2. Sản xuất loạt lớn và hàng khối
    3. Sản xuất liên tục
    4. Sản xuất loạt vừa
43. Quá trình amy công nghiệp là loại hình
    1. Sản xuất liên tục để dự trữ

Lẻ

ISO: International Organization for Standardization - Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế

1. Định mức lao động liên quan đến việc xác định yếu tố nào dưới đây:
   1. Thời gian cần thiết để một công nhân làm ra một sản phẩm
2. Hệ thống kế toán có tính bắt buộc đối với các doanh nghiệp là ………, do nhà nước quy định với những …… cho các doanh nghiệp
   1. Kế toán tài chính / chuẩn mực chung
3. Tài sản của doanh nghiệp chỉ bằng các máy móc thiết bị, vật tư, …. Những gì được coi là hữu hình
4. Chủng loại sản phẩm của mặt hàng sản xuất …
   1. Rất ít / khó khăn
5. Phân xưởng nào dưới đây là phân xưởng san xuất chính:
   1. Phân xưởng cơ khí
6. Xây dựng định mức lao động cần quan tâm đến yếu tố nào dưới đây
   1. Tính hợp lý của quy trình làm việc với yếu tố tâm – sinh lý của con người
7. Phân loại theo khoản mục chi phí, các chi phí hoạt động của doanh nghiêp gồm:
   1. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp
8. Phân loại theo yếu tố chi phí gồm:
   1. Chi phí nguyên vật liệu, chi phí khấu hao đầu vào tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền
9. Phân loại theo mối quan hệ với quy mô sản xuất gồm:
   1. Chi phí biến đổi và chi phí cố định
10. Phân loại theo mối quan hệ với sự tồn tại của sản phẩm:
    1. Chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp
11. Suất thu lợi nội tại là tỷ lệ ……… làm cho giá trị thuần túy hiện tại bằng ….:
    1. Chiết khấu / bằng không
12. Phân loại theo mối quan hệ giữa các dự án:
    1. Dự án đầu tư độc lập và dự án đầu tư phụ thuộc
13. Phân loại theo quy mô:
    1. Dự án lớn và dự án nhỏ
14. Phân loại theo mục đích
    1. Dự án đầu tư thay thế, dự án đầu tư hiện đại hóa thiết bị máy móc, dự án đầu tư mở rộng, dự án đầu tư mới
15. Phân loại theo đặc tính dòng tiền:
    1. Dự án đâu tư thông thường, dự án đầu tư không thông thường
16. TQC có nghĩa là:
    1. Kiểm tra chất lượng toàn diện
17. Đâu là khái niệm của chi phí chất lượng:
    1. Tập hợp các chi phí trực tiếp và gián tiếp liên quan đến việc hình thành, đảm bảo và duy trì chất lượng
18. Kế hoạch tác nghiệp:
    1. Kế hoạch ngắn hạn
19. Kế hoạch chiến lược:
    1. Toàn bộ và dài hạn
20. Khi hoạch toán chi phí, chi phí cố định không bao gồm khoản chi phí nào sau đây
21. ND của giám đốc tổ chức và sử dụng có hiệu quả nhân lực
    1. Phân công và hợp tác lao động
22. Để xác định nhu cầu nhân sự , doanh nghiệp có thể không căn cứ vào:
    1. A
23. Các chi phí mà tổng giá trị của nó biến động tỷ lệ với sự thay đổi qui mô sản xuất của doanh nghiệp gọi là …..
    1. Chi phí biến đổi
24. Các dự án lớn được đặc trưng bởi tổng kinh phí …., sô lượng các bên tham gia đông, thời gian dự án …. Và ảnh hưởng mạnh đến môi trường kinh tế sinh thái …
    1. Lớn và dài
25. Nghiên cứu khả thi có nhiệm vụ tạo cơ sở chấp thuận hay …..
26. Thăm dò người tuyển dụng là bước thứ mấy trong quy trình tuyển dụng lao động:
    1. 4
27. Chức năng nào sau đây là chức năng phân chia theo tiêu chí không phụ thuộc lĩnh vực hoạt động quản lý
    1. Chức năng lập kế hoạch
28. ND của giám đốc tổ chức và sử dụng có hiệu quả nhân lực
    1. Phân công và hợp tác lao động
29. Vai trò của lập kế hoạch là
    1. Xác định được mục tiêu và nhiệm vụ để thực hiện các mục tiêu đó
30. Nghiên cứu về tài chính vai trò quan trọng, không bao gồm:
    1. Xác định các nghiệp vụ kế toán
31. Nghiên cứu thị trường của dự án nhằm làm rõ vấn đề
    1. Tình hình cung, cầu và tạo ra chỗ đứng của sản phẩm trên thị trường để đề ra phương án cạnh tranh
32. Khi nghiên cứu về thị trường cho dự án đầu tư ta cần quan tâm đến những vấn đề:
    1. Nhu cầu hàng hóa, dịch vụ, hệ thống phân phối sản phẩm và giá sản phẩm hợp lý, xác định mức giá cạnh tranh và xúc tiến bán hàng
33. Cho một dự án có dòng tiền như sau :

Năm 0 1 2 3 4 5

Dòng tiền -300 100 100 100 100 100

Nếu chi phí sử dụng vốn là 18% thì kết luận nào sau đây chưa đúng: năm 0 -300

* 1. Suất thu lợi nội tại của dự án là 19%

1. Với hệ số chiết khấu 10% hãy cho biết thời gian hoàn vốn có chiết khấu dự án sau

Năm 0 1 2 3 4 5

Tiền -300 110 120 120 160 155

* 1. Khoảng 4 năm

Đề elearning

1: - Cơ cấu tổ chức nào hạn chế sự phát triển của người quản lý chung và có sự chồng chéo trong việc ra quyết định cho cấp dưới:

Select one:

a. Cơ cấu tổ chức theo kiểu trực tuyến-chức năng

b. Cơ cấu tổ chức theo kiểu ma trận

c. Cơ cấu tổ chức theo kiểu chức năng \*

d. Cơ cấu tổ chức theo kiểu trực tuyến

2: Trong quá trình sản xuất, yếu tố nào là quan trọng nhất và là động cơ hoạt động của các doanh nghiệp:

Select one:

a. Giá trị gia tăng\*

b. Yếu tố đầu ra

c. Yếu tố đầu vào

d. Thông tin phản hồi

3: - Môi trường ngành của doanh nghiệp không bao gồm các yếu tố nào sau đây:

Select one:

a. Đối thủ cạnh tranh

b. Điều kiện chính trị, luật pháp \*

c. Nhà cung cấp

d. Khách hàng

4: - Phân xưởng nào dưới đây là phân xưởng sản xuất chính:

Select one:

a. Phân xưởng sửa chữa cơ khí

b. Phân xưởng sơn

c. Phân xưởng dụng cụ

d. Phân xưởng cơ khí \*

5: - Bước thực hiện nào sau đây không nằm trong lập kế hoạch chiến lược:

Select one:

a. Phân tích SWOT của doanh nghiệp

b. Lượng hoá các kế hoạch bằng kế hoạch tài chính

c. Lập kế hoạch cụ thể cho bộ phận sản xuất \*

d. Xác định mục tiêu sứ mệnh của tổ chức

6: Sở dĩ công ty viễn thông quân đội Viettel mở rộng được thị trường là do:

Select one:

a. Là một công ty lớn

b. Có hệ thống thu phát sóng khắp cả nước

c. Là doanh nghiệp quân đội

d. Có tập khách hàng mục tiêu là những người có mức thu nhập trung bình

7: - Gia công chế biến một lượng lớn sản phẩm mỗi loại là đặc điểm của loại hình sản xuất:

Select one:

a. Sản xuất gián đoạn

b. Sản xuất liên tục \*

c. Sản xuất để dự trữ

d. Sản xuất loạt nhỏ

8: - Đâu không phải là chức năng của Quản lý theo lĩnh vực hoạt động:

Select one:

a. Chức năng Marketing

b. Chức năng tài chính

c. Chức năng sản xuất

d. Chức năng phân công lực lượng lao động, hợp lý \*

9: - Môi trường kinh doanh vi mô của doanh nghiệp:

Select one:

a. Khách hàng, đối thủ cạnh tranh, công chúng, luật pháp

b. Đối thủ cạnh tranh, công chúng, kinh tế, khách hàng, văn hóa xã hội

c. Khách hàng, công chúng, đối thủ cạnh tranh, văn hoá xã hội

d. Khách hàng, đối thủ cạnh tranh, nhà cung cấp, công chúng \*

10: - Chu kỳ sản xuất nhỏ hơn chu kỳ thương mại:

Select one:

a. Sản xuất gián đoạn

b. Sản xuất loạt nhỏ

c. Sản xuất để dự trữ

d. Sản xuất theo yêu cầu \*

11: - Yếu tố nào sau đây không phải là mục tiêu của quản lý sản xuất:

Select one:

a. Kéo dài thời gian sản xuất \*

b. Giảm chi phí sản xuất

c. Đảm bảo tính linh hoạt trong sản xuất

d. Đảm bảo số lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ

12: - Quá trình sản xuất giấy và tệp vở cho học sinh là loại hình:

Select one:n

a. Sản xuất gián đoạn để dự trữ

b. Sản xuất gián đoạn theo yêu cầu

c. Sản xuất liên tục theo yêu cầu

d. Sản xuất liên tục để dự trữ

13: - Doanh nghiệp có trách nhiệm pháp lý vô hạn:

Select one:

a. Công ty hợp danh

b. Công ty tư nhân \*

c. Công ty TNHH

d. Công ty nhà nước

14: - Đâu là yếu tố không ảnh hưởng tới cơ cấu tổ chức bộ máy Quản Lý Doanh nghiệp:

Select one:

a. Vốn điều lệ, vốn cổ phần của doanh nghiệp

b. Thời gian thành lập Doanh nghiệp. \*

c. Quy mô Doanh nghiệp.

d. Môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh.

15: - Doanh nghiệp một chủ sở hữu:

Select one:

a. Doanh nghiệp nhà nước \*

b. Công ty cổ phần

c. Công ty hợp danh

d. Công ty TNHH 2 thành viên trở lên

16: - Đâu là đặc điểm của Cơ cấu Tổ chức Quản lý theo kiểu trực tuyến:

Select one:

a. Người quản lý ở mỗi cấp phải có sự liên hệ qua lại tốt với nhân viên

b. Người quản lý phải có khả năng ngoại giao tốt với các đối tác bên ngoài

c. Người Quản lý ở mỗi cấp phải có hiểu biết toàn diện. \*

d. Người Quản lý ở mỗi cấp có chuyên môn sâu trong lĩnh vực chuyên môn do mình đảm nhiệm

17: - Để hạ giá thành sản phẩm nước đóng chai Ánh Dương công ty cần:

Select one:

a. Tuyển thêm cán bộ quản lý

b. Thuê thêm mặt bằng nhà xưởng và mở rộng sản xuất

c. Sa thải bớt nhân viên để giảm chi phí

d. Đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ hiện đại, hợp lý hóa quản lý. \*

18: - Dây chuyền sản xuất liên tục là dây chuyền mà:

Select one:

a. Tất cả công nhân làm việc liên tục

b. Tất cả các máy móc làm việc liên tục

c. Tất cả các nguyên công làm việc liên tục \*

d. Tất cả dây chuyền làm việc liên tục

19: - Doanh nghiệp nhiều chủ sở hữu:

Select one:

a. Doanh nghiệp nhà nước

b. Công ty TNHH có từ 2 thành viên trở lên

c. Công ty TNHH có từ 2 thành viên trở lên, công ty cổ phần \*

d. Công ty cổ phần

20: - Sản xuất theo yêu cầu khi:

Select one:

a. Khách hàng yêu cầu cụ thể về thiết kế kỹ thuật \*

b. Nhà sản xuất muốn giảm chi phí dự trữ.

c. Chu kỳ sản xuất > Chu kỳ thương mại

d. Nhà sản xuất muốn thực hiện đơn đặt hàng từ nước ngoài

1: Đầu tư tài chính ngắn hạn là những khoản đầu tư tài chính có thời hạn thu hồi:

Select one:

a. Trong vòng 9 tháng

b. Trong vòng 3 tháng

c. Trong vòng 6 tháng

d. Trong vòng 1 năm

2: Quá trình sản xuất giấy và tệp vở cho học sinh là loại hình:

Select one:

a. Sản xuất gián đoạn theo yêu cầu

b. Sản xuất liên tục để dự trữ

c. Sản xuất liên tục theo yêu cầu

d. Sản xuất gián đoạn để dự trữ

3: Lợi ích của việc tuyển dụng nhân sự từ nguồn nội bộ:

Select one:

a. Trẻ hoá đội ngũ nhân viên, hoặc tuyển được lãnh đạo giỏi

b. Giảm chi phí lương, tăng lợi nhuận

c. Tạo được tình cảm và sự gắn bó của người lao động với doanh nghiệp

d. Cập nhật được trình độ hiện đại

7 : Chiếc, tấn v.v. trong một đơn vị thời gian là đơn vị đo của hình thức mức lao động nào dưới đây:

Select one:

a. Mức sản lượng \*

b. Mức thời gian

c. Mức phục vụ

d. Mức biên chế

8: Chi phí cho một đơn vị sản phẩm thấp là đặc điểm của loại hình sản xuất:

Select one:

a. Sản xuất loạt lớn

b. Sản xuất đơn chiếc

c. Sản xuất loạt vừa

d. Sản xuất loạt liên tục

9: Tiền lương sản phẩm là tiền lương thanh toán cho người lao động căn cứ vào ……………… và đảm bảo được ……………… :

Select one:

a. Số sản phẩm phẩm được giao / chất lượng và thời hạn giao nộp

b. Số sản phẩm đã hoàn thành / chất lượng

c. Số sản phẩm đã hoàn thành / số lượng và thời hạn giao nộp

d. Số sản phẩm được giao / chất lượng

10: Một người gửi tiết kiệm 15 triệu đồng với lãi suất 11%/năm. Sau 5 năm người đó sẽ nhận được bao nhiêu nếu tính lãi hàng năm:

Select one:

a. 27 789 567 (đồng)

b. 25 275 872 (đồng)

c. 22 771 056 (đồng)

d. 32 678 976 (đồng)

11: Đâu là đặc điểm của Cơ cấu Tổ chức Quản lý theo kiểu trực tuyến:

Select one:

a. Người Quản lý ở mỗi cấp phải có hiểu biết toàn diện.

b. Người Quản lý ở mỗi cấp có chuyên môn sâu trong lĩnh vực chuyên môn do mình đảm nhiệm

c. Người quản lý ở mỗi cấp phải có sự liên hệ qua lại tốt với nhân viên

d. Người quản lý phải có khả năng ngoại giao tốt với các đối tác bên ngoài

12: Đặc điểm nào không dành cho cổ phiếu thường:

Select one:

a. Chủ thể sở hữu cổ phiếu thường phải gánh chịu nhiều rủi ro hơn cả vì họ luôn ở vị trí cuối trong việc phân chia lãi

hàng năm hoặc phân chia tài sản khi doanh nghiệp ngừng hoạt động vì bất cứ lý do gì.

b. Chủ thể sở hữu cổ phiếu thường có thể được quyền ưu tiên mua cổ phần mới do doanh nghiệp phát hành và

chuyển nhượng như một loại chứng khoán.

c. Chủ thể sở hữu loại cổ phiếu này được quyền chia lãi ròng, quyền sở hữu một phần tài sản của doanh nghiệp.

Khoản lãi nhận được tính theo lãi suất cố định trên mệnh giá.

d. Chủ thể sở hữu loại cổ phiếu này được quyền chia lãi ròng, quyền sở hữu một phần tài sản của doanh nghiệp,

quyền bỏ phiếu bầu Hội đồng quản trị hoặc bỏ phiếu về các vấn đề được đưa ra bàn luận tại hội nghị cổ đông

thường kỳ.

14: IRR của dự án dễ hấp dẫn các nhà đầu tư vì:

Select one:

a. Cho biết quy mô số tiền lãi của dự án

b. Cho biết thời gian thu hồi vốn nhanh

c. Cho biết lãi suất tính toán của dự án

d. Cho biết khả năng sinh lời của dự án

14: Dự án tiền khả thi và dự án khả thi đối với những dự án đầu tư có quy mô lớn:

Select one:

a. Giống nhau về bố cục nhưng khác nhau về độ tin cậy của dữ liệu

b. Khác nhau về bố cục nhưng giống nhau về độ tin cậy của dữ liệu

c. Giống nhau về bố cục và độ tin cậy của dữ liệu

d. Khác nhau về bố cục và độ tin cậy của dữ liệu

15: Cho bảng cân đối kế toán ngày 31/12 của năm X của công ty Y. Đơn vị tính 1000 đồng Tài sản 31/12/X A. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn

I. Tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

II. Các khoản phải thu

III. Hàng tồn kho

5 000 000

1 550 000

1 750 000

1 700 000

B. TSCĐ và đầu tư dài hạn

I. TSCĐ hữu hình Nguyên

giá Khấu

hao

II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

1 250 000

800 000

1 400 000

(600 000)

450 000

Tổng cộng Tài sản (A+B) 6 250 000

Xác định tỷ trọng TSCĐ hữu hình (T1):

Select one:

a. 20%

b. 22,4%

c. 7,2%

d. 12,8%

16: Tất cả những ý sau đều là đặc điểm của dự án, ngoại trừ:

Select one:

a. Tính nhất thời

b. Các hoạt động liên quan chặt chẽ nhau

c. Có thời điểm bắt đầu và kết thúc xác định

d. Lặp lại hàng tháng

17: Nguồn tuyển dụng bên ngoài giúp doanh nghiệp:

Select one:

a. Nguồn tuyển dụng đa dạng và có thể tuyển được các cán bộ có trình độ cao

b. Tốn ít kinh phí, và tăng hiệu quả kinh doanh

c. Nguồn tuyển dụng phong phú và đa dạng

d. Có thể tuyển được các cán bộ có trình độ cao

18: Quá trình sản xuất điện là loại hình:

Select one:

a. Sản xuất liên tục theo yêu cầu

b. Sản xuất gián đoạn theo yêu cầu

c. Sản xuất liên tục để dự trữ

d. Sản xuất gián đoạn để dự trữ

19: Doanh nghiệp nhiều chủ sở hữu:

Select one:

a. Công ty TNHH có từ 2 thành viên trở lên, công ty cổ phần

b. Công ty cổ phần

c. Công ty TNHH có từ 2 thành viên trở lên

d. Doanh nghiệp nhà nước

20: Để hạ giá thành sản phẩm nước đóng chai Ánh Dương công ty cần:

Select one:

a. Đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ hiện đại, hợp lý hóa quản lý.

b. Thuê thêm mặt bằng nhà xưởng và mở rộng sản xuất

c. Sa thải bớt nhân viên để giảm chi phí

d. Tuyển thêm cán bộ quản lý

Bài số 2

1: Khi xây dựng định mức lao động, cần quan tâm đến yếu tố nào dưới đây:

Select one:

a. Nguồn nhân lực trong tổ chức, và giảm chi phí

b. Tính hợp lý của quy trình làm việc với yếu tố tâm sinh -lý của người lao động

c. Sự mong muốn của ban lãnh đạo

d. Đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực và trình độ công nghệ, tay nghề và kinh nghiệm của công nhân

2: Chi phí cho một đơn vị sản phẩm thấp là đặc điểm của loại hình sản xuất:

Select one:

a. Sản xuất loạt liên tục

b. Sản xuất loạt vừa

c. Sản xuất loạt lớn

d. Sản xuất đơn chiếc

3: Chiếc, tấn v.v. trong một đơn vị thời gian là đơn vị đo của hình thức mức lao động nào dưới

đây:

Select one:

a. Mức sản lượng

b. Mức phục vụ

c. Mức biên chế

d. Mức thời gian

5: Chọn câu trả lời đúng nhất:

Select one:

a. Lập kế hoạch là việc lựa chọn phương pháp tiếp cận hợp lý các mục tiêu định trước

b. Lập kế hoạch là việc sử dụng tối ưu các nguồn lực kinh tế và nhân lực

c. Lập kế hoạch là việc sử dụng tối ưu quỹ thời gian và chi phí

d. Lập kế hoạch là trả lời cho câu hỏi: Làm như thế nào và khi nào

6: Chi phí cho một đơn vị sản phẩm cao là đặc điểm của loại hình sản xuất:

Select one:

a. Sản xuất đơn chiếc

b. Sản xuất gián đoạn

c. Sản xuất loạt vừa

d. Sản xuất loạt lớn

7: Chu kỳ sản xuất nhỏ hơn chu kỳ thương mại:

Select one:

a. Sản xuất theo yêu cầu

b. Sản xuất gián đoạn

c. Sản xuất để dự trữ

d. Sản xuất loạt nhỏ

8: Chế độ tiền lương áp dụng cho công nhân sản xuất là .............................. áp dụng cho cán bộ công nhân viên trong các cơ quan hành chính sự nghiệp là.................................. :

Select one:

a. Lương sản phẩm trực tiếp / lương chức vụ

b. Lương sản phẩm trực tiếp / lương chức danh

c. Lương sản phẩm / lương chức vụ

d. Lương sản phẩm / lương thời gian

d. Phân xưởng dụng cụ lao động

11: Gia công chế biến một lượng lớn sản phẩm mỗi loại là đặc điểm của loại hình sản xuất:

Select one:

a. Sản xuất gián đoạn

b. Sản xuất liên tục

c. Sản xuất loạt nhỏ

d. Sản xuất để dự trữ

14: Các hình thức tiền lương:

Select one:

a. Tiền lương thời gian và tiền lương sản phẩm

b. Tiền lương sản phẩm và tiền lương chức vụ

c. Tiền lương thời gian và tiền lương chức vụ

d. Tiền lương theo cấp bậc

17: Chủng loại sản phẩm rất ít là đặc điểm của loại hình sản xuất:

Select one:

a. Sản xuất đơn chiếc

b. Sản xuất loạt vừa

c. Sản xuất loạt lớn

d. Sản xuất sản phẩm đặc biệt

22: Khi khách hàng có yêu cầu cụ thể về thiết kế sản phẩm, doanh nghiệp sản xuất theo

hình thức:

Select one:

a. Sản xuất theo yêu cầu

b. Sản xuất liên tục

c. Sản xuất để dự trữ

d. Sản xuất theo chu kỳ kinh doanh

23: Tuyển dụng nhân sự là nhiệm vụ của:

Select one:

a. Phòng sản xuất

b. Phòng quản trị nhân sự

c. Ban giám đốc

d. Phòng Marketing

24: Nguồn tuyển dụng bên ngoài giúp doanh nghiệp:

Select one:

a. Nguồn tuyển dụng đa dạng và có thể tuyển được các cán bộ có trình độ cao

b. Tốn ít kinh phí, và tăng hiệu quả kinh doanh

c. Có thể tuyển được các cán bộ có trình độ cao

d. Nguồn tuyển dụng phong phú và đa dạng

28: Đâu là yếu tố không ảnh hưởng tới cơ cấu tổ chức bộ máy Quản Lý Doanh nghiệp:

Select one:

a. Môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Thời gian thành lập Doanh nghiệp.

c. Vốn đi

ều lệ, vốn cổ phần của doanh nghiệp

d. Quy mô Doanh nghiệp.

34: Tổ chức cho các công nhân cùng nghề thực hiện những công việc có quy trình công

nghệ giống nhau là cách ………. :

Select one:

a. Tổ chức sản xuất tổng hợp

b. Tổ chức sản xuất liên tục

c. Tổ chức sản xuất gián đoạn

d. Tổ chức sản xuất chuyên môn hóa

36: Môi trường ngành của doanh nghiệp không bao gồm các yếu tố nào sau đây:

Select one:

a. Điều kiện chính trị, luật pháp

b. Khách hàng

c. Đối thủ cạnh tranh

d. Nhà cung cấp

37: Hệ thống tiền lương phải thỏa mãn điều kiện nào sau đây:

Select one:

a. Đáp ứng các yêu cầu của luật pháp

b. Khuyến khích, động viên nhân viên

c. Thu hút và duy trì được nhân viên giỏi, khuyến khích và động viên nhân viên giỏi, đáp ứng các yêu cầu của luật pháp

d. Thu hút và duy trì được nhân viên giỏi

38: Đâu không phải là chức năng của Quản lý theo lĩnh vực hoạt động:

Select one:

a. Chức năng sản xuất

b. Chức năng phân công lực lượng lao động, hợp lý

c. Chức năng tài chính

d. Chức năng Marketing

40: Số lượng của 1 loại sản phẩm tương đối nhiều là đặc điểm của loại hình sản suất:

Select one:

a. Sản xuất loạt vừa

b. Sản xuất liên tục

c. Sản xuất loạt lớn

d. Sản xuất đơn chiếc

ĐỀ 1

2: Cho bảng cân đối kế toán ngày 31/12 của năm X của công ty Y. Đơn vị tính 1000 đồng Tài sản 31/12/X A. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn

I. Tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

II. Các khoản phải thu

III. Hàng tồn kho

5 000 000

1 550 000

1 750 000

1 700 000

B. TSCĐ và đầu tư dài hạn

I. TSCĐ hữu hình Nguyên

giá Khấu

hao

II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

1 250 000

800 000

1 400 000

(600 000)

450 000

Tổng cộng Tài sản (A+B) 6 250 000

Xác định tỷ trọng hàng tồn kho của công ty Y (T3):

Select one:

a. 24,8%

b. 97,1%

c. 27,2%

d. 34%

3: Chọn lãi suất tính toán càng cao thì NPV của dự án:

Select one:

a. Không bị ảnh hưởng

b. Bằng 0

c. Càng lớn

d. Càng nhỏ

5: Trong khi dự án ngày càng trở nên phức tạp hơn, mức độ không chắc chắn của mục tiêu:

Select one:

a. Giảm xuống sau đó tăng lên

b. Giảm xuống

c. Tăng lên

d. Giữ nguyên như cũ

6: Nguyên tắc vàng của quản lý tài chính:

Select one:

a. Không bao giờ để thiếu tiền, thị trường luôn biến động mà giá là tham số cơ bản, đưa ra các quyết định tài trợ hợp lý

b. Đưa ra các quyết định tài trợ hợp lý, đưa ra các quyết định đầu tư đúng, không bao giờ để thiếu tiền

c. Chính sách thuế ảnh hưởng đến quyết định kinh doanh, không bao giờ để thiếu tiền, đưa ra các quyết định tài trợ hợp lý

d. Không bao giờ để thiếu tiền, tiền có giá trị theo thời gian, đưa ra các quyết định đầu tư đúng

7: Đối tượng nào sau đây quan tâm nhiều nhất đến hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của dự án:

Select one:

a. Ngân hàng

b. Cấp chính quyền

c. Chủ đầu tư

d. Cơ quan ngân sách nhà nước

10: Một người gửi tiết kiệm 15 triệu đồng với lãi suất 11%/năm. Sau 5 năm người đó sẽ nhận được bao nhiêu nếu tính lãi hàng năm:

Select one:

a. 27 789 567 (đồng)

b. 25 275 872 (đồng)

c. 22 771 056 (đồng)

d. 32 678 976 (đồng)

11: Ai sẽ là người giải quyết vấn đề, khi không có đủ tài nguyên để hoàn thành dự án?

Select one:

a. Giám đốc chức năng/ lãnh đạo cấp cao

b. Thành viên dự án

c. Giám đốc dự án

d. Chủ đầu tư

14: Một giám đốc dự án đang chuẩn bị tiếp nhận từ một giám đốc khác một dự án đang trong giai đoạn lên kế hoạch. Nếu vị giám đốc này muốn thấy những kế hoạch mà vị giám đốc trước đã hoạch định nhằm quản lí sự thay đổi trong kế hoạch, tốt nhất ông ta sẽ tìm hiểu:

Select one:

a. Kế hoạch của dự án

b. Kế hoạch truyền thông

c. Kế hoạch quản lí tiến độ

d. Kế hoạch quản lí thời gian

15: Tài sản cố định là tất cả những tài sản có giá trị lớn (trên \_\_\_\_) và có thời gian sử dụng luân chuyển, thu hồi trên \_\_\_\_\_

Select one:

a. 5 triệu, 1 năm

b. 7 triệu, 1 năm

c. 3 triệu, 6 tháng

d. 5 triệu, 6 tháng

17: Ai sẽ là người giải quyết vấn đề, khi có sự thay đổi về sản phẩm chuyển giao cuối cùng của dự án?

Select one:

a. Giám đốc chức năng

b. Giám đốc dự án

c. Chủ đầu tư/ Lãnh đạo cao cấp

d. Thành viên dự án

18: Đặc điểm của hệ thống kế toán quản lý:

Select one:

a. Chỉ ghi chép các số liệu bằng đơn vị tiền tệ phát sinh trong khoảng thời gian đã định

b. Được thể hiện bởi hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo do nhà nước ban hành

c. Là hệ thống “cứng” đối với doanh nghiệp

d. Hình thành do nhu cầu tự nhiên của doanh nghiệp (không có tính bắt buộc về mặt luật pháp)

20: Văn kiện dự án (bao gồm đề án, quy định, giấy phép, các báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, …) được tạo ra trong giai đoạn nào trong vòng đời dự án:

Select one:

a. Kết thúc

b. Lập kế hoạch

c. Mở đầu

d. Thực hiện

ĐỀ 2

1: Dự án tiền khả thi và dự án khả thi đối với những dự án đầu tư có quy mô lớn:

Select one:

a. Khác nhau về bố cục và độ tin cậy của dữ liệu

b. Giống nhau về bố cục và độ tin cậy của dữ liệu

c. Giống nhau về bố cục nhưng khác nhau về độ tin cậy của dữ liệu \*

d. Khác nhau về bố cục nhưng giống nhau về độ tin cậy của dữ liệu

2: Giữa NPV và IRR có mối quan hệ sau đây:

Select one:

a. NPV càng lớn thì IRR càng nhỏ

b. Các mối quan hệ này chưa chắc chắn

c. NPV càng nhỏ thì IRR càng nhỏ

d. NPV càng lớn thì IRR cũng càng lớn

3: Số lượng của 1 loại sản phẩm tương đối nhiều là đặc điểm của loại hình sản suất:

Select one:

a. Sản xuất đơn chiếc

b. Sản xuất loạt lớn

c. Sản xuất loạt vừa

d. Sản xuất liên tục

4: Cho bảng cân đối kế toán ngày 31/12 của năm X của công ty Y.

Đơn vị tính 1000 đồng Tài sản 31/12/X A.

TSLĐ và đầu tư ngắn hạn

I. Tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

II. Các khoản phải thu

III. Hàng tồn kho

5 000 000

1 550 000

1 750 000

1 700 000

B. TSCĐ và đầu tư dài hạn

I. TSCĐ hữu hình Nguyên

giá Khấu

hao

II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

1 250 000

800 000

1 400 000

(600 000)

450 000

Tổng cộng Tài sản (A+B) 6 250 000

Xác định tỷ trọng TSCĐ hữu hình (T1):

Select one:

a. 22,4%

b. 7,2%

c. 12,8%

d. 20%

6: Mục tiêu nào dưới đây không được coi là mục tiêu kinh tế của doanh nghiệp:

Select one:

a. Tăng lợi nhuận 20% so với năm trước

b. Tăng thị phần 19%

c. Tăng giá trị cổ phiếu 2%

d. Tạo công ăn việc làm cho 200 lao động mới

7: Phân xưởng nào dưới đây là phân xưởng sản xuất chính:

Select one:

a. Phân xưởng sản xuất sản phẩm cơ khí

b. Phân xưởng dụng cụ lao động

c. Phân xưởng sơn

d. Phân xưởng sửa chữa cơ khí

10: Đâu không phải là chức năng của người lãnh đạo:

Select one:

a. Hoạt động ra quyết định, lãnh đạo

b. Hoạt động tìm kiếm thông tin mới

c. Hoạt động khuyến khích, động viên

d. Hoạt động hướng dẫn chỉ huy, phối hợp

11: Cho bảng cân đối kế toán ngày 31/12 của năm X của công ty Y.

Đơn vị tính 1000 đồng

Tài sản 31/12/X A.

TSLĐ và đầu tư ngắn hạn

I. Tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

II. Các khoản phải thu

III. Hàng tồn kho

5 000 000

1 550 000

1 750 000

1 700 000

B. TSCĐ và đầu tư dài hạn

I. TSCĐ hữu hình Nguyên

giá Khấu

hao

II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

1 250 000

800 000

1 400 000

(600 000)

450 000

Tổng cộng Tài sản (A+B) 6 250 000

Xác định tỷ trọng hàng tồn kho của công ty Y (T3):

Select one:

a. 34%

b. 24,8%

c. 97,1%

d. 27,2%

13: Bộ máy quản lý tài chính điển hình trong doanh nghiệp bao gồm:

Select one:

a. Bộ phận đánh giá, bộ phận quản lý ngân quỹ, bộ phận quản lý đầu tư, bộ phận kế hoạch

kiểm soát

b. Bộ phận kế toán tài chính, bộ phận quản lý ngân quỹ, bộ phận quản lý đầu tư, bộ phận kế

hoach kiểm soát

c. Bộ phận quản lý đầu tư, bộ phận kế hoạch kiểm soát, bộ phận quản lý ngân quý, bộ phận

quản lý sản xuất

d. Bộ phận kế toán tài chính, bộ phận quản lý ngân quỹ, bộ phận quản lý đầu tư, bộ phận

đánh giá

15: Quá trình sản xuất giấy và tệp vở cho học sinh là loại hình:

Select one:

a. Sản xuất liên tục để dự trữ

b. Sản xuất gián đoạn để dự trữ

c. Sản xuất liên tục theo yêu cầu

d. Sản xuất gián đoạn theo yêu cầu

17: Quá trình sản xuất điện là loại hình:

Select one:

a. Sản xuất gián đoạn để dự trữ

b. Sản xuất gián đoạn theo yêu cầu

c. Sản xuất liên tục để dự trữ

d. Sản xuất liên tục theo yêu cầu

18: Chủng loại sản phẩm rất ít là đặc điểm của loại hình sản xuất:

Select one:

a. Sản xuất đơn chiếc

b. Sản xuất sản phẩm đặc biệt

c. Sản xuất loạt lớn

d. Sản xuất loạt vừa

20: Văn kiện dự án (bao gồm đề án, quy định, giấy phép, các báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, …) được tạo ra trong giai đoạn nào trong vòng đời dự án:

Select one:

a. Mở đầu

b. Thực hiện

c. Kết thúc

d. Lập kế hoạch

QTDN: - Mục tiêu nào dưới đây không được coi là mục tiêu kinh tế của doanh nghiệp:  
Select one:  
a. Tăng thị phần 19%  
b. Tăng lợi nhuận 20% so với năm trước  
c. Tạo công ăn việc làm cho 200 lao động mới  
d. Tăng giá trị cổ phiếu 2%

Question 7  
QTDN: - Gia công chế biến một lượng lớn sản phẩm mỗi loại là đặc điểm của loại hình sản xuất:  
Select one:  
a. Sản xuất để dự trữ  
b. Sản xuất gián đoạn  
c. Sản xuất loạt nhỏ  
d. Sản xuất liên tục

Question 8  
QTDN: - Công ty bánh kẹo Bibica muốn mở rộng thị trường họ cần:  
Select one:  
a. Phát triển thêm hệ thống đại lý, phân phối.  
b. Giảm giá thành, tăng sản lượng bán ra  
c. Tăng sản lượng  
d. Giảm chi phí sản xuất

Question 9  
QTDN: - Số lượng của 1 loại sản phẩm tương đối nhiều là đặc điểm của loại hình sản suất:  
Select one:  
a. Sản xuất loạt vừa  
b. Sản xuất loạt lớn  
c. Sản xuất đơn chiếc  
d. Sản xuất liên tục

Question 10  
QTDN: - Sản xuất theo yêu cầu khi:  
Select one:  
a. Nhà sản xuất muốn giảm chi phí dự trữ.  
b. Chu kỳ sản xuất > Chu kỳ thương mại  
c. Khách hàng yêu cầu cụ thể về thiết kế kỹ thuật  
d. Nhà sản xuất muốn thực hiện đơn đặt hàng từ nước ngoài

Question 11  
QTDN: - Mục tiêu của doanh nghiệp không bao gồm đặc trưng nào dưới đây:  
Select one:  
a. Cụ thể, rõ ràng.  
b. Đo lường được  
c. Có thể đạt được với nguồn lực và năng lực của doanh nghiệp  
d. Không bị giới hạn về mặt thời gian.

Question 12  
QTDN: - Phân xưởng nào dưới đây là phân xưởng sản xuất chính:  
Select one:  
a. Phân xưởng sơn  
b. Phân xưởng cơ khí  
c. Phân xưởng sửa chữa cơ khí  
d. Phân xưởng dụng cụ

Question 13  
QTDN: - Một xưởng may áo sơ mi có số lượng một loạt đưa vào sản xuất là n=20 chiếc, quá trình sản xuất trải qua 4 nguyên công (m=4). Thời gian định mức để sản xuất một sản phẩm ở nguyên công cắt là t1= 1 giờ, nguyên công may t2= 6 giờ, nguyên công thùa khuyết t1 = 0,5 giờ, nguyên công là và bao gói t4 = 0,5 giờ. Giả sử mỗi nguyên công có một máy và do một người thực hiện (ci = 1). Tính chu kì công nghệ loạt sản phẩm theo dòng nối tiếp và song song (Loạt chuyển nv = 10):  
Select one:  
a. 140 giờ, 120 giờ  
b. 142 giờ, 160 giờ  
c. 120 giờ, 140 giờ  
d. 160 giờ, 140 giờ

Question 14  
QTDN: - Hoạt động quản lí dự trữ được đề cập đến với những mô hình cụ thể ứng dụng trong từng trường hợp sao cho tìm được điểm cân bằng tối ưu giữa:  
Select one:  
a. Chi phí sản xuất và lợi ích dự trữ  
b. Chi phí vận chuyển và chi phí tồn kho  
c. Chi phí tồn kho và chi phí sản xuất  
d. Chi phí tồn kho và lợi ích dự trữ

Question 15  
QTDN: - Cơ cấu tổ chức nào hạn chế sự phát triển của người quản lý chung và có sự chồng chéo trong việc ra quyết định cho cấp dưới:  
Select one:  
a. Cơ cấu tổ chức theo kiểu ma trận  
b. Cơ cấu tổ chức theo kiểu trực tuyến  
c. Cơ cấu tổ chức theo kiểu chức năng  
d. Cơ cấu tổ chức theo kiểu trực tuyến-chức năng

QTDN: - Câu nào sau đây định nghĩa đúng về chu kỳ sản xuất:  
Select one:  
a. Chu kì sản xuất là khoảng thời gian theo lịch tính từ khi đưa nguyên liệu vào sản xuất đến khi hoàn thành tiêu thụ sản phẩm  
b. Chu kỳ sản xuất là khoảng thời gian theo lịch tính từ khi thực hiện sản xuất đến khi ra thành phẩm.  
c. Chu kì sản xuất là khoảng thời gian theo lịch tính từ khi đưa nguyên liệu vào sản xuất đến thời gian sản phẩm đang trong quá trình tiêu thụ sản phẩm  
d. Chu kỳ sản xuất là khoảng thời gian theo lịch tính từ khi đưa nguyên vật liệu vào sản xuất cho đến khi sản xuất ra thành phẩm.

Question 2  
QTDN: - Doanh nghiệp có trách nhiệm pháp lý vô hạn:  
Select one:  
a. Công ty hợp danh  
b. Công ty TNHH  
c. Công ty nhà nước  
d. Công ty tư nhân  
Question 3  
QTDN: - Chi phí cho một đơn vị sản phẩm thấp là đặc điểm của loại hình sản xuất:  
Select one:  
a. Sản xuất loạt lớn  
b. Sản xuất loạt vừa  
c. Sản xuất loạt liên tục  
d. Sản xuất đơn chiếc

Question 4  
QTDN: - Chu kỳ sản xuất nhỏ hơn chu kỳ thương mại:  
Select one:  
a. Sản xuất loạt nhỏ  
b. Sản xuất gián đoạn  
c. Sản xuất theo yêu cầu  
d. Sản xuất để dự trữ

Question 5  
QTDN: - Để hạ giá thành sản phẩm nước đóng chai Ánh Dương công ty cần:  
Select one:  
a. Đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ hiện đại, hợp lý hóa quản lý.  
b. Tuyển thêm cán bộ quản lý  
c. Thuê thêm mặt bằng nhà xưởng và mở rộng sản xuất  
d. Sa thải bớt nhân viên để giảm chi phí

Question 16  
QTDN: - Doanh nghiệp không có tư cách pháp nhân:  
Select one:  
a. Công ty cổ phần  
b. Công ty hợp danh  
c. Công ty tư nhân  
d. Công ty TNHH

Question 17  
QTDN: - Môi trường kinh doanh vĩ mô của doanh nghiệp:  
Select one:  
a. Kinh tế, tự nhiên, khoa học kỹ thuật, đối thủ cạnh tranh,văn hoá xã hội, nhà cung cấp  
b. Kinh tế, tự nhiên, khoa học kỹ thuật, văn hoá xã hội, khách hàng, nhà cung cấp  
c. Kinh tế, tự nhiên, chính trị - pháp luật,khoa học kỹ thuật, văn hoá xã hội  
d. Kinh tế, tự nhiên, nhà cung cấp,khoa học kỹ thuật, văn hoá xã hội, pháp luật

Question 18  
QTDN: - Dây chuyền sản xuất liên tục là dây chuyền mà:  
Select one:  
a. Tất cả các máy móc làm việc liên tục  
b. Tất cả dây chuyền làm việc liên tục  
c. Tất cả công nhân làm việc liên tục  
d. Tất cả các nguyên công làm việc liên tục  
Question 19  
QTDN: - Quá trình sản xuất giấy và tệp vở cho học sinh là loại hình:  
Select one:  
a. Sản xuất gián đoạn để dự trữ  
b. Sản xuất gián đoạn theo yêu cầu  
c. Sản xuất liên tục theo yêu cầu  
d. Sản xuất liên tục để dự trữ

Question 20  
QTDN: - Phân xưởng nào dưới đây là phân xưởng sản xuất chính:  
Select one:  
a. Phân xưởng sửa chữa cơ khí  
b. Phân xưởng dụng cụ lao động  
c. Phân xưởng sản xuất sản phẩm cơ khí  
d. Phân xưởng sơn

QTDN: - Mục tiêu của doanh nghiệp không bao gồm đặc trưng nào dưới đây:  
Select one:  
a. Không bị giới hạn về mặt thời gian.  
b. Cụ thể, rõ ràng.  
c. Đo lường được  
d. Có thể đạt được với nguồn lực và năng lực của doanh nghiệp

Question 2  
QTDN: - Đâu không phải là chức năng của người lãnh đạo:  
Select one:  
a. Hoạt động tìm kiếm thông tin mới  
b. Hoạt động hướng dẫn chỉ huy, phối hợp  
c. Hoạt động ra quyết định, lãnh đạo  
d. Hoạt động khuyến khích, động viên

Question 3  
QTDN: - Đâu là yếu tố không ảnh hưởng tới cơ cấu tổ chức bộ máy Quản Lý Doanh nghiệp:  
Select one:  
a. Thời gian thành lập Doanh nghiệp.  
b. Quy mô Doanh nghiệp.  
c. Vốn điều lệ, vốn cổ phần của doanh nghiệp  
d. Môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh.

Question 4  
QTDN: - Bước thực hiện nào sau đây không nằm trong lập kế hoạch chiến lược:  
Select one:  
a. Xác định mục tiêu sứ mệnh của tổ chức  
b. Lập kế hoạch cụ thể cho bộ phận sản xuất  
c. Lượng hoá các kế hoạch bằng kế hoạch tài chính  
d. Phân tích SWOT của doanh nghiệp  
Question 5  
  
QTDN: - Yếu tố nào sau đây không phải là mục tiêu của quản lý sản xuất:  
Select one:  
a. Giảm chi phí sản xuất  
b. Kéo dài thời gian sản xuất  
c. Đảm bảo số lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ  
d. Đảm bảo tính linh hoạt trong sản xuất

QTDN: - Sau đây là các biện pháp về kĩ thuật công nghệ nhằm rút ngắn chu kì sản xuất, ngoại trừ:  
Select one:  
a. Cải tiến thiết bị, máy móc  
b. Phân công lao động hợp lí  
c. Áp dụng công nghệ tiên tiến  
d. Cải tiến kết cấu sản phẩm

Question6  
Sở dĩ công ty viễn thông quân đội Viettel mở rộng được thị trường là do:  
Select one:  
a. Là một công ty lớn  
b. Có hệ thống thu phát sóng khắp cả nước  
c. Có tập khách hàng mục tiêu là những người có mức thu nhập trung bình  
d. Là doanh nghiệp quân đội

Question 7  
QTDN:   
- Công ty bánh kẹo Bibica muốn mở rộng thị trường họ cần:  
Select one:  
a. Tăng sản lượng  
b. Giảm chi phí sản xuất  
c. Phát triển thêm hệ thống đại lý, phân phối.  
d. Giảm giá thành, tăng sản lượng bán ra

Question 8  
QTDN: - Gia công chế biến một lượng lớn sản phẩm mỗi loại là đặc điểm của loại hình sản xuất:  
Select one:  
a. Sản xuất loạt nhỏ  
b. Sản xuất để dự trữ  
c. Sản xuất gián đoạn  
d. Sản xuất liên tục

Question 9  
QTDN: - Hoạt động quản lí dự trữ được đề cập đến với những mô hình cụ thể ứng dụng trong từng trường hợp sao cho tìm được điểm cân bằng tối ưu giữa:  
Select one:  
a. Chi phí tồn kho và lợi ích dự trữ  
b. Chi phí tồn kho và chi phí sản xuất  
c. Chi phí sản xuất và lợi ích dự trữ  
d. Chi phí vận chuyển và chi phí tồn kho

Question 10  
QTDN: - Số lượng của 1 loại sản phẩm tương đối nhiều là đặc điểm của loại hình sản suất:  
Select one:  
a. Sản xuất loạt vừa  
b. Sản xuất đơn chiếc  
c. Sản xuất liên tục  
d. Sản xuất loạt lớn  
QTDN: - Mục tiêu của doanh nghiệp không bao gồm đặc trưng nào dưới đây:  
Select one:  
a. Không bị giới hạn về mặt thời gian.  
b. Cụ thể, rõ ràng.  
c. Đo lường được  
d. Có thể đạt được với nguồn lực và năng lực của doanh nghiệp  
Question11  
QTDN: - Doanh nghiệp không có tư cách pháp nhân:  
Select one:  
a. Công ty cổ phần, công ty hợp danh  
b. Công ty TNHH  
c. Công ty tư nhân  
d. Công ty nhà nước

Question 12  
QTDN: - Mục tiêu nào dưới đây không được coi là mục tiêu kinh tế của doanh nghiệp:  
Select one:  
a. Tăng giá trị cổ phiếu 2%  
b. Tăng thị phần 19%  
c. Tăng lợi nhuận 20% so với năm trước  
d. Tạo công ăn việc làm cho 200 lao động mới

Question 14  
QTDN: - Chọn câu trả lời đúng nhất:  
Select one:  
a. Lập kế hoạch là trả lời cho câu hỏi: Làm như thế nào và khi nào  
b. Lập kế hoạch là việc sử dụng tối ưu quỹ thời gian và chi phí  
c. Lập kế hoạch là việc sử dụng tối ưu các nguồn lực kinh tế và nhân lực  
d. Lập kế hoạch là việc lựa chọn phương pháp tiếp cận hợp lý các mục tiêu định trước  
Question 15  
QTDN: - Yếu tố nào sau đây không phải là đặc điểm của tổ chức sản xuất theo dòng nối tiếp:  
Select one:  
a. Tại mỗi nguyên công các đối tượng trong một loạt sản xuất được gia công chế biến một cách liên tục, nối tiếp nhau  
b. Mỗi lần chuyển sản phẩm giữa các nguyên công thực hiện theo từng loạt  
c. Đơn giản, dễ áp dụng, chu kì sản phẩm ngắn  
d. Được áp dụng trong sản xuất đơn chiếc, loạt nhỏ và hàng loạt.   
-Question 16  
Yếu tố nào sau đây không phải là mục tiêu của quản lý sản xuất:  
Select one:  
a. Giảm chi phí sản xuất  
b. Kéo dài thời gian sản xuất  
c. Đảm bảo số lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ  
d. Đảm bảo tính linh hoạt trong sản

Question 17  
QTDN: - Chu kỳ sản xuất nhỏ hơn chu kỳ thương mại:  
Select one:  
a. Sản xuất để dự trữ  
b. Sản xuất loạt nhỏ  
c. Sản xuất gián đoạn  
d. Sản xuất theo yêu cầu  
Question 18  
QTDN: - Trong quá trình sản xuất, yếu tố nào là quan trọng nhất và là động cơ hoạt động của các doanh nghiệp:  
Select one:  
a. Giá trị gia tăng  
b. Yếu tố đầu vào  
c. Yếu tố đầu ra  
d. Thông tin phản hồi

Question 19  
QTDN: - Chi phí cho một đơn vị sản phẩm cao là đặc điểm của loại hình sản xuất:  
Select one:  
a. Sản xuất loạt vừa  
b. Sản xuất loạt lớn  
c. Sản xuất đơn chiếc  
d. Sản xuất gián đoạn

Question 5  
QTDN: - Sau đây là các biện pháp về kĩ thuật công nghệ nhằm rút ngắn chu kì sản xuất, ngoại trừ:  
Select one:  
a. Phân công lao động hợp lí  
b. Cải tiến kết cấu sản phẩm  
c. Cải tiến thiết bị, máy móc  
d. Áp dụng công nghệ tiên tiến

Đề Hưng

Question 3

QTDN: - Đối tượng nào sau đây quan tâm nhiều nhất đến hiệu quả tài chính của dự án:  
Select one:  
a. Cơ quan ngân sách nhà nước  
b. Cấp chính quyền  
c. Ngân hàng  
d. Chủ đầu tư  
Question 2  
  
QTDN: - Cho bảng cân đối kế toán ngày 31/12 của năm X của công ty Y. Đơn vị tính 1000 đồng  
Tài sản 31/12/X  
A. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn  
I. Tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn  
II. Các khoản phải thu  
III. Hàng tồn kho 5 000 000  
1 550 000

1 750 000  
1 700 000

B. TSCĐ và đầu tư dài hạn  
I. TSCĐ hữu hình  
- Nguyên giá  
- Khấu hao  
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn 1 250 000  
800 000  
1 400 000  
(600 000)  
450 000  
Tổng cộng Tài sản (A+B)  
6 250 000  
Nguồn vốn  
A. Nợ phải trả  
I. Nợ ngắn hạn  
1. Vay ngắn hạn  
2. Phải trả  
II. Nợ dài hạn 4 300 000  
3 000 000  
1 250 000  
1 750 000  
1 300 000  
B. Nguồn vốn chủ sở hữu  
I. Nguồn vốn kinh doanh  
II. Lãi chưa phân phối  
III. Lãi sau thuế của niên độ 1 950 000  
1 000 000  
500 000  
450 000  
Tổng cộng Nguồn vốn (A+B) 6 250 000  
Xác định Vốn sử dụng thường xuyên (VTX):  
Select one:  
a. 3 200 000 (đồng)  
b. 3 250 000 (đồng)  
c. 4 950 000 (đồng)  
d. 3 700 000 (đồng)  
**Question 3**  
  
QTDN: - Cho bảng cân đối kế toán ngày 31/12 của năm X của công ty Y Đơn vị tính 1000 đồng  
Tài sản 31/12/X  
A. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn  
I. Tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn  
II. Các khoản phải thu  
III. Hàng tồn kho 5 000 000  
1 550 000

1 750 000  
1 700 000

B. TSCĐ và đầu tư dài hạn  
I. TSCĐ hữu hình  
- Nguyên giá  
- Khấu hao  
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn 1 250 000  
800 000  
1 400 000  
(600 000)  
450 000  
Tổng cộng Tài sản (A+B)  
6 250 000  
Nguồn vốn   
A. Nợ phải trả  
I. Nợ ngắn hạn  
1. Vay ngắn hạn  
2. Phải trả  
II. Nợ dài hạn 4 300 000  
3 000 000  
1 250 000  
1 750 000  
1 300 000  
B. Nguồn vốn chủ sở hữu  
I. Nguồn vốn kinh doanh  
II. Lãi chưa phân phối  
III. Lãi sau thuế của niên độ 1 950 000  
1 000 000  
500 000  
450 000  
Tổng cộng Nguồn vốn (A+B) 6 250 000  
Xác định độ tự chủ tài chính dài hạn (V5, V6, V7):  
Select one:  
a. V5: 0,7 V6: 0,3 V7: 0,72  
b. V5: 0,3 V6: 0,7 V7: 0, 72  
c. V5: 0,6 V6: 0,4 V7: 0,67  
d. V5: 0,4 V6: 0,6 V7: 0,67  
Question 4  
  
QTDN: - Quá trình quản lí chất lượng phải theo dõi chất lượng sản phẩm trong:  
Select one:  
a. Khâu lưu thông phân phối  
b. Khâu nghiên cứu  
c. Khâu triển khai sản xuất  
d. Tất cả các khâu từ khâu nghiên cứu, triển khai và sản xuất, lưu thông phân phối, sử dụng  
Question 5  
  
QTDN: - Thuộc tính nào của sản phẩm có thể làm tăng giá trị so với giá trị thực của nó:  
Select one:  
a. Thuộc tính quyết định công dụng cơ bản của sản phẩm  
b. Không có thuộc tính nào  
c. Thuộc tính thụ cảm  
d. Thuộc tính kinh tế kĩ thuật

Question 6  
  
QTDN: - Cho bảng cân đối kế toán ngày 31/12 của năm X của công ty Y. Đơn vị tính 1000 đồng  
Tài sản 31/12/X  
A. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn  
I. Tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn  
II. Các khoản phải thu  
III. Hàng tồn kho 5 000 000  
1 550 000

1 750 000  
1 700 000

B. TSCĐ và đầu tư dài hạn  
I. TSCĐ hữu hình  
- Nguyên giá  
- Khấu hao  
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn 1 250 000  
800 000  
1 400 000  
(600 000)  
450 000  
Tổng cộng Tài sản (A+B) 6 250 000  
Xác định tỷ trọng TSCĐ hữu hình (T1):  
Select one:  
a. 7,2%  
b. 22,4%  
c. 20%  
d. 12,8%

Question 9  
  
QTDN: - Trong khi dự án ngày càng trở nên phức tạp hơn, mức độ không chắc chắn của mục tiêu:  
Select one:  
a. Giảm xuống sau đó tăng lên  
b. Tăng lên  
c. Giảm xuống  
d. Giữ nguyên như cũ  
Question 10  
  
QTDN: - Yếu tố nào sau đây không phải là đặc điểm của Quản lý chất lượng toàn diện (TQM):  
Select one:  
a. Định hướng bởi khách hàng  
b. Quản lý chất lượng từ cao xuống thấp, tức từ lãnh đạo cao nhất xuống tới công nhân  
c. Tính nhất thể, hệ thống  
d. Cải tiến chất lượng liên tục

11. QTDN: - Một người gửi tiết kiệm 15 triệu đồng với lãi suất 11%/năm. Sau 5 năm người đó sẽ nhận được bao nhiêu nếu tính lãi 6 tháng, mỗi lần tính lãi người đó rút ra một nửa số tiền lãi:  
Select one:  
a. 18 635 708 (đồng)  
b. 18 136 942 (đồng)  
c. 20 201 341 (đồng)  
d. 19 148 190 (đồng)  
Question 12  
   
QTDN: - Trong quá trình xác định hoạt động, một thành viên dự án xác định một hoạt động cần phải được thực hiện. Tuy nhiên, một thành viên khác tin rằng hoạt động này không phải là một phần của dự án theo cách hiểu ở văn kiện dự án. Giám đốc dự án có thể làm tốt nhất việc gì trong trường hợp này:  
Select one:  
a. Cố gắng xây dựng sự nhất trí ở nhóm  
b. Ra quyết định theo ý riêng của mình  
c. Trao đổi với chủ đầu tư  
d. Hỏi ý kiến ban quản trị  
  
Question 14  
  
QTDN: - Kiểm soát chất lượng là kiểm soát các yếu tố  
Select one:  
a. Phương pháp và quá trình  
b. Đầu vào, con người, phương pháp và quá trình, đầu ra  
c. Đầu ra  
d. Con người, phương pháp  
Question 15  
  
QTDN: - Quy tắc chọn lựa dự án theo tiêu chuẩn B/C là:  
Select one:  
a. B/C > 1  
b. B/C = 0  
c. B/C < 1  
d. B/C ≥ 1

Question 16  
  
QTDN: - Trong các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm, nhóm chỉ tiêu nào quan trọng nhất:  
Select one:  
a. Các chỉ tiêu được thụ cảm bởi người tiêu dùng  
b. Các chỉ tiêu kĩ thuật  
c. Chất liệu  
d. Các chỉ tiêu về hình dáng màu sắc  
Question 17  
  
QTDN: - Một giám đốc dự án đang chuẩn bị tiếp nhận từ một giám đốc khác một dự án đang trong giai đoạn lên kế hoạch. Nếu vị giám đốc này muốn thấy những kế hoạch mà vị giám đốc trước đã hoạch định nhằm quản lí sự thay đổi trong kế hoạch, tốt nhất ông ta sẽ tìm hiểu:  
Select one:  
a. Kế hoạch truyền thông  
b. Kế hoạch quản lí thời gian  
c. Kế hoạch của dự án  
d. Kế hoạch quản lí tiến độ  
Question 18  
  
QTDN: - Đối tượng của hệ thống quản lý chất lượng toàn diện bao gồm :  
Select one:  
a. Tiến hành sản xuất  
b. Tổng hợp các giai đoạn của chu trình quản lý chất lượng  
c. Marketing  
d. Kiểm tra thử nghiệm  
Question 19  
  
QTDN: - Cho bảng cân đối kế toán ngày 31/12 của năm X của công ty Y. Đơn vị tính 1000 đồng  
Tài sản 31/12/X  
A. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn  
I. Tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn  
II. Các khoản phải thu  
III. Hàng tồn kho 5 000 000  
1 550 000

1 750 000  
1 700 000

B. TSCĐ và đầu tư dài hạn  
I. TSCĐ hữu hình  
- Nguyên giá  
- Khấu hao  
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn 1 250 000  
800 000  
1 400 000  
(600 000)  
450 000  
Tổng cộng Tài sản (A+B) 6 250 000  
Xác định tỷ trọng hàng tồn kho của công ty Y (T3):  
Select one:  
a. 24,8%  
b. 97,1%  
c. 34%  
d. 27,2%  
Question 20  
  
QTDN: - Dưới góc độ quản lý chất lượng, sản phẩm được phân loại:  
Select one:  
a. Theo chức năng  
b. Theo nguyên liệu sử dụng  
c. Theo đặc điểm công nghệ sản xuất  
d. Thành 2 loại: sản phẩm hữu hình và sản phẩm vô hình

De3 :

**Question 3**

QTDN: - Trong quá trình lập kế hoạch dự án, phần nào được xem là được ưu tiên quan tâm nhất: chất lượng, chi phí hay tiến trình?

Select one:

a. Phải xác định dựa vào mục tiêu của dự án và tình huống cụ thể b. Chất lượng quan trọng hơn chi phí và kế hoạch tiến độ

c. Kế hoạch tiến độ quan trọng nhất, kế đến là chất lượng, rồi mới đến chi phí

d. Chi phí là quan trọng nhất, kế đến là chất lượng rồi mới đến tiến trình thực hiện

công việc

**Question 4**

QTDN: - Ngân sách chi tiết của dự án được tạo ra vào giai đoạn nào trong vòng đời (Project cycle) của dự án:

Select one:

a. Giai đoạn bắt đầu dự án

b. Trước khi bắt đầu vòng đời dự án

c. Giai đoạn thực hiện

d. Giai đoạn lập kế hoạch

**Question 5**

QTDN: - Tất cả những ý sau đều là đặc điểm của dự án, ngoại trừ:

Select one:

a. Các hoạt động liên quan chặt chẽ nhau

b. Có thời điểm bắt đầu và kết thúc xác định

c. Lặp lại hàng tháng

d. Tính nhất thời

**Question 6**

QTDN: - Cho bảng cân đối kế toán ngày 31/12 của năm X của công ty Y. Đơn vị tính 1000 đồng  
Tài sản 31/12/X  
A. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn  
I. Tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn  
II. Các khoản phải thu  
III. Hàng tồn kho 5 000 000  
1 550 000  
  
1 750 000  
1 700 000  
  
B. TSCĐ và đầu tư dài hạn  
I. TSCĐ hữu hình  
- Nguyên giá  
- Khấu hao  
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn 1 250 000  
800 000  
1 400 000  
(600 000)  
450 000  
Tổng cộng Tài sản (A+B) 6 250 000  
Xác định tỷ trọng hàng tồn kho của công ty Y (T3):

Select one:

a. 97,1%

b. 27,2%

c. 24,8%

d. 34%

**Question 7**

**Question 12**

QTDN: - Theo khai triển Bied-Charreton của hiệu quả tài chính, Ld2 có ý nghĩa gì:

Select one:

a. Hệ số cân bằng tổng quát

b. Độ tự chủ tài chính tổng quát

c. Tỷ trọng lãi ròng trong tổng doanh thu (tỷ suất doanh lợi)

d. Hệ số luân chuyển nguồn vốn chủ sở hữu

**Question 15**

QTDN: - Cho bảng cân đối kế toán ngày 31/12 của năm X của công ty Y. Đơn vị tính 1000 đồng  
Tài sản 31/12/X  
A. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn  
I. Tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn  
II. Các khoản phải thu  
III. Hàng tồn kho 5 000 000  
1 550 000  
  
1 750 000  
1 700 000  
  
B. TSCĐ và đầu tư dài hạn  
I. TSCĐ hữu hình  
- Nguyên giá  
- Khấu hao  
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn 1 250 000  
800 000  
1 400 000  
(600 000)  
450 000  
Tổng cộng Tài sản (A+B)  
6 250 000  
Nguồn vốn  
A. Nợ phải trả  
I. Nợ ngắn hạn  
1. Vay ngắn hạn  
2. Phải trả  
II. Nợ dài hạn 4 300 000  
3 000 000  
1 250 000  
1 750 000  
1 300 000  
B. Nguồn vốn chủ sở hữu  
I. Nguồn vốn kinh doanh  
II. Lãi chưa phân phối  
III. Lãi sau thuế của niên độ 1 950 000  
1 000 000  
500 000  
450 000  
Tổng cộng Nguồn vốn (A+B) 6 250 000  
Xác định độ ổn định của nguồn vốn tài trợ (V1, V2):

Select one:

a. V1: 51,2% V2: 48,8%

b. V1: 59,2% V2: 40.8%

c. V1: 79,2% V2: 20,8%

d. V1: 52% V2: 48%

QTDN: Cho bảng cân đối kế toán ngày 31/12 của năm X của công ty Y.

Đơn vị tính 1000 đồng

Tài sản 31/12/X A.

TSLĐ và đầu tư ngắn hạn

I. Tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

II. Các khoản phải thu

III. Hàng tồn kho

5 000 000

1 550 000

1 750 000

1 700 000

B. TSCĐ và đầu tư dài hạn

I. TSCĐ hữu hình Nguyên

giá Khấu

hao

II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

1 250 000

800 000

1 400 000

(600 000)

450 000

Tổng cộng Tài sản (A+B) 6 250 000

Xác định tỷ trọng hàng tồn kho của công ty Y (T3):

Select one:

a. 24,8%

b. 97,1%

c. 27,2%

d. 34%

Question 4

QTDN: Cho bảng cân đối kế toán ngày 31/12 của năm X của công ty Y.

Đơn vị tính 1000 đồng Tài sản 31/12/X A.

TSLĐ và đầu tư ngắn hạn

I. Tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

II. Các khoản phải thu

III. Hàng tồn kho

5 000 000

1 550 000

1 750 000

1 700 000

B. TSCĐ và đầu tư dài hạn

I. TSCĐ hữu hình Nguyên

giá Khấu

hao

II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

1 250 000

800 000

1 400 000

(600 000)

450 000

Tổng cộng Tài sản (A+B) 6 250 000

Xác định tỷ trọng TSCĐ hữu hình (T1):

Select one:

a. 22,4%

b. 7,2%

c. 12,8%

d. 20%

Question 18

QTDN: Chủng loại sản phẩm rất ít là đặc điểm của loại hình sản xuất:

Select one:

a. Sản xuất đơn chiếc

b. Sản xuất sản phẩm đặc biệt

c. Sản xuất loạt lớn

d. Sản xuất loạt vừa